

Bản án số: 188/2022/DS-PT
Ngày: 03 - 8 - 2022
“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chê Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Đỗ Khắc V; cùng cư trú tại: Phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Ánh D; cư trú tại: Phường N, quận K, thành phố Cần Thơ là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Ông Trần Thanh P; cư trú tại: Phường L, quận K, thành phố Cần Thơ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Triệu Phan Quốc T và bà Phan Thị Ngọc T1; cùng cư trú tại: Phường X, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Đỗ Thanh T2; cư trú tại: Phường B, quận K, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Các văn bản ủy quyền ngày 14/02/2022 và ngày 16/5/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Xuân T3; cư trú tại: Phường P, quận K, thành phố Cần Thơ.
2. Ông Nguyễn Văn T4 và bà Đoàn Thị L; cùng cư trú tại: Phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Ông Tôn Quốc T5 và bà Trần Hồng N; cùng cư trú tại: Phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Đỗ Khắc V là nguyên đơn;
2. Bà Phan Thị Ngọc T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phía nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện:*

Nguồn gốc đất vào năm 2004 ông V, bà Y mua của bà Nguyễn Thị Lưu N1 phần đất diện tích 101,5m², phần đất này nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00681 ngày 21/9/2004 tại thửa số 579, tờ bản đồ 18 tọa lạc tại khu vực N, phường H, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ do bà Y đứng tên.

Đến năm 2015, ông V bà Y phát hiện phần đất của mình đã bị bà T1, ông T xây dựng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn với diện tích 101,5m².

Tại đơn khởi kiện bổ sung, ông V bà Y yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn ông V, bà Y đã rút yêu cầu này trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm.

** Phần trình bày của phía bị đơn:*

Nguồn gốc đất vào năm 2013 bị đơn mua của ông Lý Trang V1 và bà Võ Thị Ngọc T6 với diện tích 201,7m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 202007, tờ bản đồ số 18, thửa 580. Đến ngày 19/8/2013, bị đơn được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PB 436354 tờ bản đồ số 17, thửa 1044 đất tọa lạc tại khu vực N, phường H, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 20/6/2014, bị đơn được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp phép xây dựng.

Thời điểm bị đơn mua đất đó là khu đất trống, giáp ranh với ông T4 và bà L. Việc ông bà chuyển nhượng và xây dựng là đúng trình tự quy định pháp luật. Nên bà T1 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:*

1. Ông Nguyễn Văn T4 và bà Đoàn Thị L trình bày: Nguồn gốc đất của ông T4 và L là vào năm 2006 vợ chồng ông T4, bà L mua của ông Vũ Xuân T3. Ngày 25/10/2006 ông T4, bà Lan được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 514, tờ bản đồ số 17 diện tích 98,3m² do ông T4 đứng tên. Năm 2009 ông T4, bà Lan đã xây dựng căn nhà cấp 4 kiên cố trên đất. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông, bà không có ý kiến gì.

2. Ông Tôn Quốc T5 và bà Trần Hồng N trình bày: Nguồn gốc đất ông T3, bà Nhung là vào năm 2013 vợ chồng ông bà mua của ông Vũ Xuân T3. Ngày 06/5/2013 được Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 515, tờ bản đồ số 17 diện tích 202m² do ông T3, bà N đứng tên. Khi mua phần đất này đã có căn nhà cấp 4 kiên cố trên đất. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông và bà không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn ông Triệu Phan Quốc T và bà Phan Thị Ngọc T1 phải trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Khắc V và bà Nguyễn Thị Hải Y phần quyền sử dụng đất có diện tích 104.2m², thuộc thửa số 579, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu vực N (nay là A), phường H, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Công nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng diện tích xây dựng trên thửa đất số 579 tại bản trích đo địa chính số 56 ngày 15/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cho ông Đỗ Khắc V bà Nguyễn Thị Hải Y. Ông Đỗ Khắc V bà Nguyễn Thị Hải Y có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tài sản gắn liền với đất cho ông Triệu Phan Quốc T và bà Phan Thị Ngọc T1 với tổng số tiền là 509.733.961 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thực tế.

(Đính kèm bản trích đo địa chính số: 56/TTKTTNMT ngày 15/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 16.304.200 đồng bị đơn phải chịu, bị đơn đã thực hiện xong một phần, nay bị đơn bà T1, ông T còn có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 10.394.200 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông T, bà T1 phải chịu 7.294.000 đồng.

- Nguyên đơn ông V, bà Y phải chịu 24.389.358 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 006204 ngày 23/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên số tiền phải chịu là 7.094.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 11/11/2021, nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp để trả lại quyền sử dụng đất cho phía nguyên đơn.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 09/11/2021, bà Phan Thị Ngọc T1 cho rằng, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải giao trả đất cho nguyên đơn làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Việc ký giáp ranh của bị đơn trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng chủ thể sử dụng bất động sản liền kề. Hồ sơ trích đo xác định rõ phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là phù hợp với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép để trả lại cho nguyên đơn quyền sử dụng đất đang tranh chấp.

Phía bị đơn cho rằng, hiện tại cũng chưa xác định được phần đất của các bên một cách chính xác. Việc sử dụng đất và tài sản của bị đơn là có giấy tờ hợp pháp. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi công bằng của các bên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc lại một lần nữa để làm rõ sự thật vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, hồ sơ chính lý biên động có sai sót, bản trích đo thực tế thể hiện phần đất tranh chấp là của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho bị đơn là không đúng quy định của pháp luật. Thấy rằng, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã chiếm dụng toàn bộ thửa đất của nguyên đơn để xây dựng nhà trọ kinh doanh. Bị đơn cho rằng, phần đất bị đơn đang xây dựng nhà trọ là phần đất thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Như vậy, các bên tranh chấp về quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân quận Bình Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thấy rằng, các phần đất của các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong dãy đất phân lô trước đây. Hiện tại, nhiều chủ sử dụng đất đã xây dựng công trình sử dụng. Hiện trạng sử dụng thực tế đã được Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2016 (Bút lục số 287), được các chủ sử dụng đất xác nhận. Kết quả thẩm định này đã được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng số 32/ĐC ngày 02/6/2017 (sau đây gọi tắt là sơ đồ 32) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy (Bút lục số 299). Bên cạnh đó, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã thẩm định lại thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 56/TTKTTNMT ngày 15/6/2021 (sau đây gọi tắt là Bản trích đo 56) của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Bút lục số 592). Các kết quả đo vẽ thực tế được thu thập hợp pháp. Do vậy, các tài liệu này là chứng cứ để xem xét yêu cầu của các bên.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu thẩm định lại. Qua xem xét lại toàn bộ hồ sơ thấy rằng, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định nhiều lần. Căn cứ Điều 101 của Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy, thủ tục thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở để tiến hành thẩm định lại.

[4] Để có cơ sở xem xét đúng vị trí đất của nguyên đơn và bị đơn, cần xem xét tổng thể của dãy đất đã phân lô. Tính từ hướng tây sang đông (từ lộ có chiều rộng 03 mét đến rạch Bà Bộ) thứ tự các chủ sử dụng đất như sau: 1. Ông Phạm Ngọc T7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 09383 (ngang trước 05 mét, ngang sau 4,85 mét); 2. Ông Nguyễn Văn C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06612 (ngang trước 05 mét, ngang sau 05 mét); 3. Bà Nguyễn Thị Thu H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 001645 (ngang trước 05 mét, ngang sau 05 mét); 4. Ông Đỗ Khắc V, bà Nguyễn Thị Hải Y, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 09029 (ngang trước 10 mét, ngang sau 10,2 mét); 5. Nguyễn Thị Lưu N1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228.QSĐĐ (còn lại ngang trước 05 mét, ngang sau 5,2 mét); 6. Bà Nguyễn Thị Hải Y, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00681.QSĐĐ (đây là phần đất đang tranh chấp, ngang trước 05 mét, ngang sau 05 mét); 7. Ông Triệu Phan Quốc T, bà Phan Thị Ngọc T1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06912 (ngang trước 10 mét, ngang sau 10 mét); 8. Ông Nguyễn Văn T4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 002691/LH (ngang trước 4,8 mét, ngang sau 4,8 mét). 9. Ông Tôn Quốc T5, bà Trần Hồng N, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06497 (ngang trước 4,7 mét, ngang sau 15,4 mét).

[5] Nếu cộng chiều ngang trước (giáp đường đi nội bộ 04 mét) trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Ngọc T7 đến bà Nguyễn Thị Lưu N1 (chủ sử dụng phần đất liền cạnh phía tây của nguyên đơn) là 30 mét. Điều này có nghĩa là vị trí phần đất của nguyên đơn cách đường đi 3,10 mét là 30 mét. Đối chiếu với Bản trích đo 56, phần đất đang tranh chấp cách đường đi nội bộ 04 mét là 30,1 mét. Tức là phần đất đang tranh chấp (thửa 579 của Bản trích đo 56) chính là phần đất của nguyên đơn.

[6] Ngược lại, tính từ hướng đông sang tây của dãy đất (từ Rạch Bà Bộ hướng về đường Nguyễn Văn Linh), nếu tính diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả 03 chủ sử dụng gồm ông Tôn Quốc T5, ông Nguyễn Văn T4 và bà Phan Thị Ngọc T1 thì tổng diện tích được cấp là $202\text{m}^2 + 98,3\text{m}^2 + 201,7\text{m}^2 = 502\text{m}^2$. Tuy nhiên, cộng diện tích thực tế sử dụng của 03 chủ sử dụng đất này thì diện tích sẽ là: $398,8\text{m}^2 + 216,1\text{m}^2 + 104,2\text{m}^2 = 719,1\text{m}^2$, trừ diện tích đường đi cặp rạch Bà Bộ $105,2\text{m}^2$, diện tích sử dụng thực tế là $613,9\text{m}^2$ (chưa bao gồm diện tích lộ giới của rạch Bà Bộ theo Bản trích đo 56). Như vậy, diện tích thực tế sử dụng của 03 chủ sử dụng dư $613,9\text{m}^2 - 502\text{m}^2 = 111,9\text{m}^2$. Diện tích dư này lớn hơn phần đất đang tranh chấp giữa các bên.

[7] Kết hợp nhận định tại mục [5] và mục [6] cho thấy, vị trí thửa đất 579 trên Bản trích đo 56 đang tranh chấp là phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Cần nhận định thêm rằng, theo hồ sơ trích đo thể hiện, các chủ sử dụng đất tại dãy đất phân lô đã sử dụng, xây dựng nhà ở không hoàn toàn đúng với diện tích đất đã được cấp. Tuy nhiên, sơ đồ hiện trạng số 32/ĐC ngày 02/6/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thủy (Bút lục 287, 299) thì hiện trạng các chủ đất từ ông Phạm Ngọc T7 đến bà Nguyễn Thị Lưu N1 thì các chủ quyền sử dụng đất đã xác định ranh giới ổn định nên cần điều chỉnh theo thực tế sử dụng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn được sử dụng diện tích $101,5\text{m}^2$, thực tế sử dụng diện tích $104,2\text{m}^2$ nên nguyên đơn cần liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biên độ theo Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

[8] Theo quy định tại Điều 166 của Luật đất đai năm 2013 về quyền của người sử dụng đất, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền đòi lại tài sản thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để đảm bảo quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Việc xây dựng của bị đơn là trái pháp luật vì xây dựng trên phần đất không thuộc quyền sử dụng của mình. Việc xây dựng này nguyên đơn cũng không đồng ý nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao tài sản trên đất cho nguyên đơn và buộc nguyên đơn hoàn lại giá trị tài sản là trái với quyền tự định đoạt của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn phải chịu. Theo đó, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Tương tự, nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá thì bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, vật dụng và các tài sản khác để trả lại cho nguyên đơn thửa đất 579 có diện tích 104,2m² theo Bản trích đo địa chính số 56/TTKTTNMT ngày 10/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 10.394.200 đồng (mười triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 006204 ngày 23/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002102 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0002098 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Bình Thủy;
- THADS quận Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh